

**CÔNG TY TNHH IB GARDEN VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH IB GARDEN VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: IB GARDEN VIET NAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: IB GARDEN VIET NAM CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108797447

**3. Ngày thành lập:** 09/07/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 12 ngõ 35 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0886979669

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 8531(Chính) |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>-Bán buôn các loại hoa và cây trồng, kể cả cây cảnh và các loại dùng để làm giống.                                                                                                                                                                                                                                       | 4620        |
| 3.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>-Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>-Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>-Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>-Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>-Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>-Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>-Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; | 4649        |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh</li> <li>- Bán lẻ kính đeo mắt, kể cả các hoạt động phục vụ cho việc bán lẻ kính mắt như đo độ cận, độ viễn, mài lắp kính;</li> <li>- Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;</li> <li>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác;</li> <li>- Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;</li> <li>- Bán lẻ hoa, cành lá trang trí nhân tạo;</li> <li>- Bán lẻ cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh, thức ăn và đồ dùng cho vật nuôi cảnh</li> <li>- Bán lẻ hàng lưu niệm bằng sơn mài, trạm khắc: Tranh sơn mài, tranh khảm trai, hàng lưu niệm khác bằng sơn mài, khảm trai;</li> <li>- Bán lẻ hàng đan lát bằng tre, song mây, vật liệu tết, bện khác;</li> <li>- Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ khác: Hàng lưu niệm bằng gỗ.</li> </ul> | 4773 |
| 5. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ nước hoa, nước thơm;</li> <li>- Bán lẻ mỹ phẩm: son, phấn, kem, chế phẩm trang điểm mắt và đồ dùng trang điểm khác;</li> <li>- Bán lẻ vật phẩm vệ sinh: Nước gội đầu, sữa tắm, khăn giấy thơm...</li> <li>- Bán lẻ hoa giả, cành lá giả để trang trí;</li> <li>- Bán lẻ phân bón.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4789 |
| 6. | Quảng cáo<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 7. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8552 |
| 8. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8560 |
| 9. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                  | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐÌNH DUY | Số 16B, hẻm 291/42/26, tổ 2 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 400.000.000           | 40,000    | 001092012250                                                                                                                                      |         |
| 2   | NGUYỄN THU HIỀN | Số 29 ngõ 71 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                  | 600.000.000           | 60,000    | 001191008780                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THU HIỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/02/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001191008780

Ngày cấp: 09/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 29 ngõ 71 Phương Mai, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 16B, hẻm 291/42/26, tổ 2 Lạc Long Quân, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội